

**CÔNG TY TNHH MINDART**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MINDART

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINDART COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINDART CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110016147

**3. Ngày thành lập:** 01/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 26, Ngõ A6, Tổ 19, Tập thể trường Đại học Hà Nội, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948736977

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                 | 8299     |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8531     |
| 9.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8532     |
| 10. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                                                                                                                                                                                                                                                   | 8559     |
| 11. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8560     |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6201     |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6202     |

|     |                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                      | 6209        |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);                                                        | 6311        |
| 16. | Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                               | 6312        |
| 17. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                        | 6399        |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                       | 6619        |
| 19. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản<br>- Quản lý vận hành nhà chung cư                   | 6810        |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820        |
| 21. | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế<br>- Kinh doanh dịch vụ kế toán                                | 6920        |
| 22. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                             | 7020(Chính) |
| 23. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                  | 7110        |
| 24. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                       | 7120        |
| 25. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                         | 7211        |
| 26. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                            | 7212        |
| 27. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                          | 7213        |
| 28. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                      | 7214        |
| 29. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                           | 7221        |
| 30. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                         | 7222        |
| 31. | Quảng cáo                                                                                                                                                                            | 7310        |

|     |                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                       | 7320 |
| 33. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế website, thiết kế đồ họa                                                                                                                  | 7410 |
| 34. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                 | 7420 |
| 35. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán) | 7490 |
| 36. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 37. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                  | 4719 |
| 38. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                             | 4791 |
| 39. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                        | 4799 |
| 40. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                       | 5820 |
| 41. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                      | 6190 |
| 42. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4741 |
| 43. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4742 |
| 44. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                    | 4753 |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                        | 4759 |
| 46. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4761 |
| 47. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4762 |
| 48. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ kinh doanh súng, đạn, tem, vàng miếng và tiền kim khí)                                                                        | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 150.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                               | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI | Việt Nam  | P905, Toà N01, 87 Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                              | 50.000.000            | 33,340    | 030197011389                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN TUẤN CƯỜNG    | Việt Nam  | Nhà 26, Ngõ A6, Tổ 19, Tập thể trường đại học Hà Nội, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 50.000.000            | 33,330    | 001088003904                                                                                            |         |
| 3   | VŨ VĂN ĐỨC           | Việt Nam  | Số 44, Khu 7, Phố Cầu Chanh, Phường Nam Hòa, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                             | 50.000.000            | 33,330    | 022098001507                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/10/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030197011389

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P905, Toà N01, 87 Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P905, Toà N01, 87 Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội